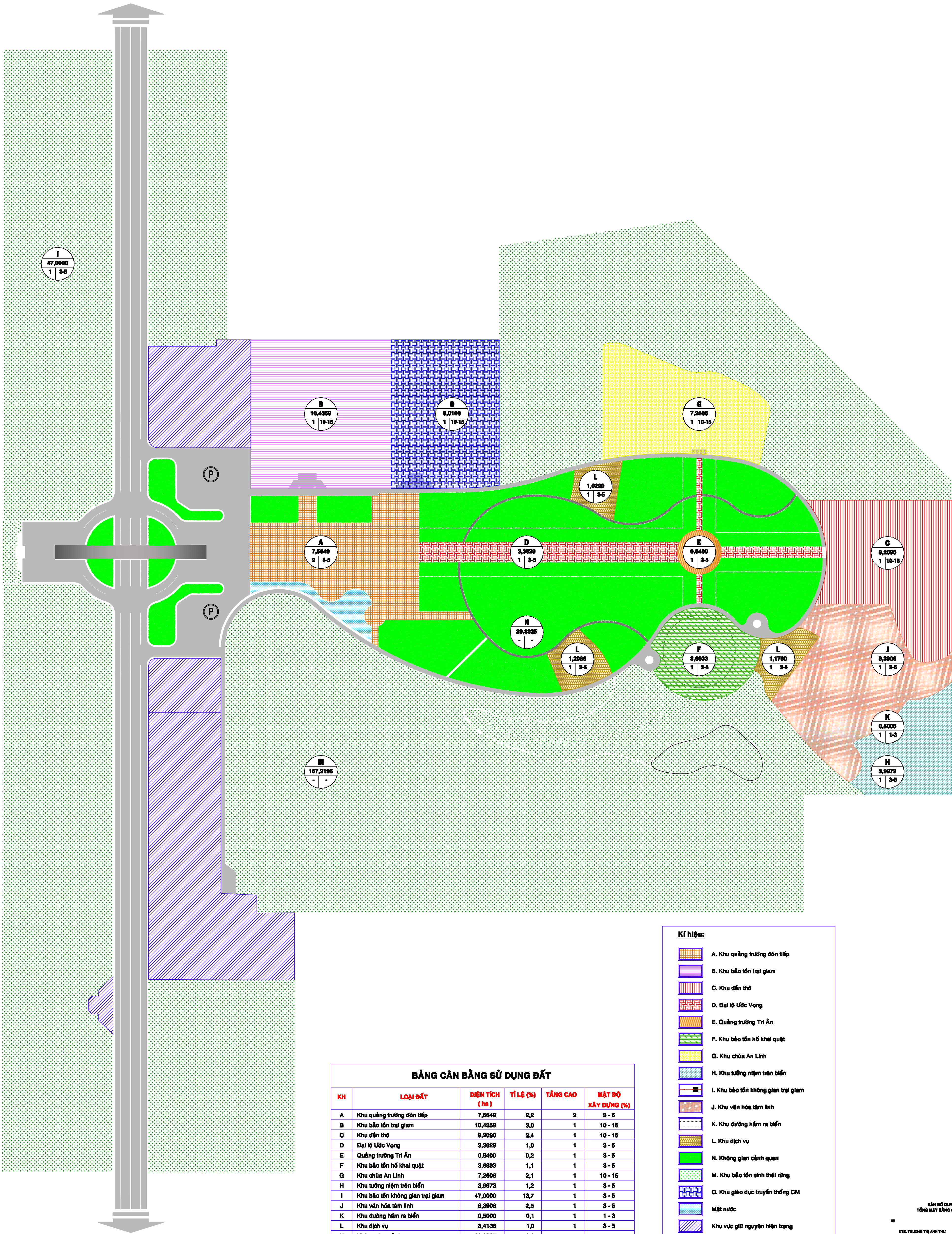


BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT					
KH	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỈ LỆ (%)	TẦNG CAO	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)
A	Khu quảng trường đón tiếp	7,5849	2,2	2	3 - 5
B	Khu bảo tồn trại giam	10,4359	3,0	1	10 - 15
C	Khu đến thờ	8,2090	2,4	1	10 - 15
D	Đại lộ Ước Vọng	3,3629	1,0	1	3 - 5
E	Quảng trường Trĩ Ân	0,8400	0,2	1	3 - 5
F	Khu bảo tồn hồ khai quật	3,8933	1,1	1	3 - 5
G	Khu chùa An Linh	7,2808	2,1	1	10 - 15
H	Khu tưởng niệm trên biển	3,8973	1,2	1	3 - 5
I	Khu bảo tồn không gian trại giam	47,0000	13,7	1	3 - 5
J	Khu văn hóa tâm linh	8,3906	2,5	1	3 - 5
K	Khu đường hầm ra biển	0,5000	0,1	1	1 - 3
L	Khu dịch vụ	3,4136	1,0	1	3 - 5
N	Không gian cảnh quan	29,3325	8,6	-	-
M	Khu bảo tồn sinh thái rừng	157,2195	45,9	1	3 - 5
O	Khu giáo dục truyền thống Cách Mạng	8,0180	2,3	1	10 - 15
	Khu vực giữ nguyên hiện trạng	11,8164	3,5	-	-
	Giao thông + bãi xe	31,1722	9,1	1	3 - 5
	Tổng cộng	342,2247	100,0		

Kí hiệu:

A. Khu quảng trường đón tiếp

B. Khu bảo tồn trại giam

C. Khu đến thờ

D. Đại lộ Ước Vọng

E. Quảng trường Trĩ Ân

F. Khu bảo tồn hồ khai quật

G. Khu chùa An Linh

H. Khu tưởng niệm trên biển

I. Khu bảo tồn không gian trại giam

J. Khu văn hóa tâm linh

K. Khu đường hầm ra biển

L. Khu dịch vụ

N. Không gian cảnh quan

M. Khu bảo tồn sinh thái rừng

O. Khu giáo dục truyền thống CM

Mặt nước

Khu vực giữ nguyên hiện trạng

Đường giao thông

Ranh quy hoạch

Bãi đậu xe

Diện tích (ha)

Tầng cao (tầng)

Tên khu vực

Mật độ xây dựng (%)